TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1156/2026/DS-PT
Ngày 09-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Luật

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;

Bà Nguyễn Thị Huyền

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà***: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 612/2026/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2026/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1098/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 6954/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A khu phố Đ, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Triệu Văn S, sinh năm 1969; địa chỉ: Số E, tổ B, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Đường D, khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Triệu Văn S, bà Nguyễn Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

1. Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 8 năm 2025 và quá trình tham

gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Kim L trình bày:

Trước đây do có mối quan hệ quen biết nên ông Triệu Văn S và bà Nguyễn Kim T đã nhiều lần vay tiền của bà L. Vay số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) theo các Hợp đồng vay tiền ngày 11/11/2020; Hợp đồng vay tiền ngày 21/12/2020 được lập giữa bà L với ông S, bà T, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 11/11/2020, bà L cho ông S, bà T vay số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất 1,6%/tháng. Thời hạn trả đến ngày 20/8/2023. Hai bên có lập Hợp đồng vay, ký xác nhận.

Lần 2: Ngày 20/8/2022, ông S, bà T tiếp tục vay của bà L số tiền 600.000.000 đồng. Lúc này các bên không lập Hợp đồng vay riêng mà ghi luôn vào mặt sau của Hợp đồng vay ngày 11/11/2020 nội dung vay thêm số tiền 600.000.000 đồng. Ông S là người trực tiếp ghi nội dung và ký xác nhận.

Lần 3: Ngày 21/12/2020, sau lần vay thứ nhất được hơn 1 tháng thì ông S, bà T tiếp tục vay của bà L thêm số tiền 300.000.000 đồng và các bên có lập Hợp đồng vay, thời hạn vay đến ngày 20/4/2023, lãi suất 1,6%/tháng. Bà T và ông S cùng ký xác nhận bên vay.

Lần thứ 4: Ngày 20/4/2022, ông S và bà T tiếp tục vay của bà L số tiền 300.000.000 đồng), các bên thoả thuận lãi suất 1,6%/tháng, ông S là người trực tiếp viết giấy vay ngay mặt sau của Hợp đồng vay ngày 21/12/2020, cả ông S và bà T cùng ký xác nhận nợ.

Như vậy tổng cộng qua 04 lần vay thì cả ông S và bà T đã vay của bà L số tiền 1.500.000.000 đồng.

Để cam kết nghĩa vụ trả nợ ông S, bà T có thế chấp Quyền sử dụng đất thửa đất 597, tờ bản đồ 16, diện tích: 1084m, tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương do ông Triệu Văn S đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông S đã giao cho bà L giữ bản chính sổ đất, hiện tại bà L vẫn đang là người giữ bản chính sổ đất này.

Vào ngày 06/02/2025, ông Triệu Văn S đã vay tiếp của bà L số tiền là 700.000.000 đồng, các bên có ký kết hợp đồng vay tiền, thời hạn vay kể từ ngày 06/02/2025 đến 06/7/2025, lãi suất 1,6%/tháng.

Dù thoả thuận như trên nhưng từ thời điểm vay cho đến nay ông S và bà T vẫn không trả cho bà L bất kỳ một khoản nợ gốc hay lãi phát sinh nào.

Do đó bà L khởi kiện ra Toà án, buộc ông S và bà L phải thanh toán số tiền nợ phát sinh như sau

- Buộc ông Triệu Văn S và bà Nguyễn Kim T phải thanh toán cho bà Trần Thị Kim L số tiền nợ vay gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh bằng 1,6%/tháng, thời gian tính từ ngày 20/11/2024 tạm tính đến ngày 20/12/2025 (làm tròn tháng) là 312.000.000 đồng.

- Buộc ông Triệu Văn S phải thanh toán cho bà Trần Thị Kim L số tiền nợ vay gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh bằng 1,6%/tháng, tạm tính từ ngày 06/02/2025 đến 06/12/2025 (làm tròn tháng) là 112.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng toàn bộ khoản nợ là nợ chung của cả ông S và bà T nên yêu cầu ông S và bà T cùng thanh toán.

2. Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên toà bị đơn ông Triệu Văn S và bà Nguyễn Kim T không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Toà án.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2026/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử**:**

1.1 Buộc ông Triệu Văn S và bà Nguyễn Kim T phải thanh toán cho bà Trần Thị Kim L số tiền 983.913.000 đồng, trong đó nợ gốc là 900.000.000 đồng và lãi phát sinh là 83.913.000 đồng, cụ thể theo các hợp đồng vay như sau:

- Theo Hợp đồng vay ngày 11/11/2020: Nợ gốc 300.000.000 đồng + lãi phát sinh là 34.860.000 đồng = 334.860.000 đồng;

- Theo Hợp đồng vay ngày 21/12/2020: Nợ gốc 300.000.000 đồng + lãi phát sinh là 34.864.000 đồng = 334.860.000 đồng;

- Theo Giấy vay ngày 20/4/2022: Nợ gốc 300.000.000 đồng + lãi phát sinh là 14.193.000 đồng = 314.193.000 đồng.

1.2 Buộc ông Triệu Văn S phải thanh toán cho bà Trần Thị Kim L số tiền 1.410.971.000 đồng, trong đó nợ gốc là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 110.971.000 đồng, cụ thể theo các hợp đồng vay như sau:

- Theo Hợp đồng vay ngày 06/02/2025: Nợ gốc 700.000.000 đồng + lãi phát sinh là 41.251.000 đồng = 741.251.000 đồng;

- Theo Giấy vay ngày 20/8/2022: Nợ gốc 600.000.000 đồng + lãi phát sinh là 69.720.000 đồng = 669.720.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L, cụ thể:

Không chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Kim T liên đới cùng ông Triệu Văn S thanh toán khoản nợ gốc 1.300.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất vượt quá tính trên nợ gốc là 1,6%/tháng;

Không chấp nhận một nhận yêu cầu về thời điểm tính lãi của các Hợp đồng vay ngày 20/8/2022; ngày 20/4/2022 và 06/02/2025.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thanh toán và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, 13/02/2026 của bị đơn ông Triệu Văn S, bà Nguyễn Kim T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Triệu Văn S trình bày:

Do nhu cầu cần vốn làm ăn kinh doanh ông S có thiếu hụt vốn và có thỏa thuận với bà Trần Thị Kim L để vay số tiền, ông S có thế chấp tài sản do ông S đứng tên thửa đất số 597 tờ bản đồ số 16, địa chỉ thửa đất thuộc xã L, B (B) Bình Dương, diện tích 1084 m², đất ở đô thị là 100 m2 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 9 tháng 12 năm 2010 số vào sổ cấp CH01109 quyển số số HD340678, tài sản thửa đất trên ký hợp đồng ủy quyền cho bà L tại Văn phòng công chứng Sở Sao ngày 11 tháng 11 năm 2020. Theo thỏa thuận giữa ông S và bà Trần Thị K, thống nhất ông S trả cho bà L lãi suất là 2%/tháng với số tiền vay mượn, nhưng trong hợp đồng vay tiền bà L chỉ ghỉ là 1,6%/tháng là không đúng sự thật. Sau khi ký hợp đồng ủy quyền cho bà L vào ngày 11 tháng 11 năm 2020 và bà L có lập văn bản hợp đồng vay tiền ông S vay là 300 triệu đồng chẵn. Kế tiếp ngày 21 tháng 12 năm 2020, ông S có vay tiếp bà L là thêm 300 triệu đồng nữa, lập hợp đồng vay tiền vào ngày 21 tháng 12 năm 2020. Kể từ ngày lập hợp đồng vay tiền 11 tháng 11 năm 2020 đến ngày 22 tháng 6 năm 2021, ông S đóng lãi cho bà L bằng tiền mặt. Sau ngày ngày 22 tháng 6 năm 2021 đến ngày 06 tháng 03 năm 2025, ông S đóng lãi cho bà L đều đặn mỗi tháng. Do ông S không không sử dụng tài khoản ngân hàng nên ông S có nhờ bà Nguyễn Kim T chuyển khoản cho bà L. Sau này 06 tháng 03 năm 2025, bà L có đến nhà ông S nhận tiền mặt. Khoảng tháng 4 năm 2025 đến nay, do làm ăn rủi ro thất bại, nên ông S có tạm ngưng không đóng lãi cho bà L nữa. Ông S có thế chấp cho bà L một số tài sản khác nên ông S sao kê chuyển lãi tất cả khoản vay để cung cấp cho Tòa án. Trong thời gian giao dịch thõa thuận, chỉ có ông S và bà L có thỏa thuận đồng ý và thống nhất, không có mặt của bà Nguyễn Kim T. Bà Nguyễn Kim T không biết gì về chuyện giao dịch giữa ông S và bà L. Khi ký hợp đồng ủy quyền xong bà L và ông S có đến nhà ông S trong khi đó có bà Nguyễn Kim T ngồi cùng, hợp đồng vay tiền này do bà L soạn và viết. Do không để ý, ông S và bà T chỉ tập trung xem số tiền vay mượn có đúng hay không, nên trên mục bên vay bà L có ghi bên vay là bà Nguyễn Kim T và ông S. Thực ra, số tiền vay mượn này do ông S quyết định, ông S nhận tiền và sử dụng đồng tiền này vào mục đích cá nhân (bà T không nhận tiền, không sử dụng, không liên đới tới số tiền vay này), vì tài sản tên là của ông S và ông S thế chấp, vay mượn được.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ kháng cáo của bà Nguyễn Kim T, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Triệu Văn S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2026/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Triệu Văn S, bà Nguyễn Kim T được thực hiện trong thời hạn luật định, nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[1.2] Về sự vắng mắt của các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Kim T.

[1.3] Bị đơn bà Nguyễn Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 14 tháng 5 năm 2026 và tham gia phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 02 tháng 6 năm 2025. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Kim T đều vắng mặt không có lý do nên bị coi là từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 296, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Kim T.

[1.3] Về yêu cầu giám định của bị đơn ông Triệu Văn S: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S không có mặt. Tại phiên tòa phúc thẩm ông S thừa nhận chữ ký, chữ viết, dấu vân tay trong các hợp đồng vay tiền ngày 11/11/2020, ngày 21/12/2020, ngày 20/8/2022, ngày 20/4/2022, ngày 06/02/2025 là của ông S. Sự thừa nhận này là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Ông Triệu Văn S đề nghị tạm dừng phiên tòa để giám định chữ viết và chữ ký và dấu vân tay trong các hợp đồng vay tiền ngày 11/11/2020, ngày 21/12/2020, ngày 20/8/2022, ngày 20/4/2022, ngày 06/02/2025 của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T. Xét thấy bà T là bị đơn kháng cáo nhưng không tham gia phiên tòa, coi như từ bỏ quyền kháng cáo, bị đơn ông S yêu cầu giám định là không có cơ sở nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo các Hợp đồng vay do nguyên đơn cung cấp:

Ngày 11/11/2020, ông Triệu Văn S và bà Nguyễn Kim T đã vay của bà Trần Thị Kim L số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 20/8/2023, lãi suất ghi nhận trên hợp đồng hiện hữu là 1,6%/tháng.

Ngày 21/12/2020, ông S và bà T vay của bà L tiếp số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 20/4/2023, lãi suất ghi nhận trên hợp đồng hiện hữu là 1,6%/tháng.

Ngày 20/8/2022, ông S vay của bà L số tiền 600.000.000 đồng, không thoả thuận thời hạn vay; không thoả thuận lãi suất.

Ngày 20/4/2022, ông S và bà T vay của bà L số tiền 300.000.000 đồng, không thoả thuận thời hạn vay, không thoả thuận lãi suất.

Ngày 06/02/2025, ông S vay của bà L số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 06/7/2025, lãi suất ghi nhận trên hợp đồng hiện hữu là 1,6%/tháng.

Như vậy, tổng số tiền bà L đã cho ông S và bà T vay là 900.000.000 đồng, tổng số tiền bà L cho cá nhân ông S vay là 1.300.000.000 đồng.

[2.2] Bị đơn ông Triệu Văn S không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim L với lý do đã trả tiền lãi cho nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn theo các hợp đồng vay tiền ngày 11/11/2020, ngày 21/12/2020, ngày 20/8/2022, ngày 20/4/2022, ngày 06/02/2025 nhưng đã trả lãi.

[2.3]. Đối với các khoản vay 300.000.000 đồng ngày 11/11/2020; 300.000.000 đồng ngày 21/12/2020 và 300.000.000 đồng ngày 20/4/2022: ông S và bà T đều ký xác nhận nội dung với tư cách bên vay tiền. Do đó yêu cầu của bà L về việc buộc ông S và bà T cùng thanh toán số tiền vay trên là có căn cứ chấp nhận.

Đối với khoản vay 600.000.000 đồng ngày 20/8/2022 và 700.000.000 đồng ngày 06/02/2025: Xét thấy tại các hợp đồng vay này thể hiện chỉ có ông S là bên vay, chỉ có ông S ký xác nhận bên vay, bà T không có tên của bên vay tiền, không ký, xác nhận nội dung khoản vay nên việc nguyên đơn yêu cầu bà T cùng ông S thanh toán khoản nợ phát sinh từ giấy vay ngày 20/8/2022 và Hợp đồng vay ngày 06/02/2025 là không có căn cứ chấp nhận, chỉ có cơ sở buộc ông S có trách nhiệm thanh toán các khoản vay này cho bà L.

[3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi suất:

[3.1] Đối với khoản vay 300.000.000 đồng theo Giấy ghi nhận khoản vay ngày 20/4/2022 và khoản vay 600.000.000 đồng theo Giấy ghi nhận khoản vay ngày 20/8/2022: Xét thấy tại nội dung của giấy ghi nhận nợ không ghi nhận về việc các bên có thoả thuận lãi suất, do đó mức lãi suất sẽ được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm. Vậy nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh trên các khoản vay ngày 20/4/2022 và ngày 20/8/2022 là 1,6%/tháng là đã vượt quá quy định, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần. Thời gian tính lãi tính từ ngày 19/8/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 09/02/2026, tương ứng 5 tháng 21 ngày.

[3.2] Đối với Hợp đồng vay ngày 11/11/2020; 21/12/2020 và 06/02/2025: Theo thừa nhận của nguyên đơn thì tại thời điểm lập Hợp đồng vay các bên không ghi nhận lãi suất vào Hợp đồng vay, mặt khác nguyên đơn cũng thừa nhận phần nội dung về lãi suất ghi trên các Hợp đồng vay là do sau khi xác lập hợp đồng vay một khoảng thời gian thì nguyên đơn mới tự điền vào Giấy vay mức lãi suất theo nguyên đơn là các bên thoả thuận 2%/tháng, tự bôi xoá, sửa chữa từ mức 2%/tháng xuống 1,6%/tháng. Do đó Toà án xác định Hợp đồng vay đã xác lập ngày 11/11/2020 (300.000.000 đồng); ngày 21/12/2020 (300.000.000 đồng và ngày 06/02/2025 (700.000.000 đồng) là các hợp đồng vay không thoả thuận lãi suất do đó lãi suất chậm thanh toán trong trường hợp này sẽ là 10%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1,6%/tháng là vượt quá mức quy định, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu.

Đối với thời gian tính lãi: Hợp đồng vay ngày 11/11/2020 đã hết hạn thanh toán vào ngày 20/8/2023, Hợp đồng vay ngày 21/12/2020 đã hết hạn thanh toán vào ngày 20/4/2023, tuy nhiên nguyên đơn bà L chỉ yêu cầu thanh toán tiền lãi tính từ ngày 20/11/2024 cho đến thời điểm xét xử tính tròn, tương ứng là 14 tháng. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên Toà án chấp nhận. Đối với khoản vay ngày 06/02/2025 đã hết hạn vào ngày 06/7/2025 do đó lãi suất chậm thanh toán phát sinh cũng bắt đầu tính từ ngày 06/7/2025, tính đến ngày xét xử là 07 tháng 03 ngày, nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 06/02/2025 là không có căn cứ chấp nhận một phần.

[3.3] Nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh của các bị đơn đối với nguyên đơn:

- Ông Triệu Văn S và bà Nguyễn Kim T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Kim L 900.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi phát sinh là 83.913.000 đồng.

- Ông Triệu Văn S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Kim L số tiền 1.300.000.000 đồng tiền nợ gốc và 110.971.000 đồng tiền lãi phát sinh.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Triệu Văn S và bà Nguyễn Kim T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ nêu trên là phù hợp.

[4] Đối với thoả thuận về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Do nguyên đơn bà L không yêu cầu Toà án giải quyết về giao dịch bảo đảm giữa các bên, các bị đơn ông S và bà T cũng không có yêu cầu phản tố, cũng không đưa ra bất kì yêu cầu, ý kiến gì khác nên Toà án không xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Triệu Văn S.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Kim T.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Triệu Văn S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2026/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Triệu Văn S, bà Nguyễn Kim T phải chịu mỗi người số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0013066 và số 0013064 cùng ngày 27/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 18;
- TAND Khu vực 18;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa DS, 12b (70).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Văn Luật